

CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2025

CTCP Tập đoàn Đức Long Gia Lai

Ngày 31/12/2025	2,660 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	-3.6%	-5.7%	-4.0%

DT thuần Q4/25	211	tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 38.0	21.7%	
YoY: ▼ 6.00	-3.0%	

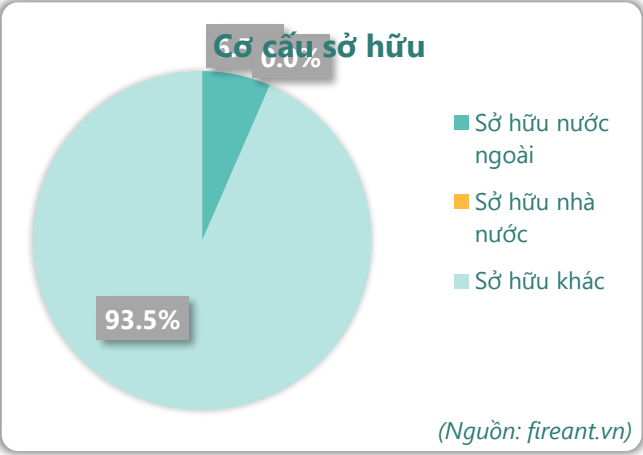
LN thuần Q4/25	263	tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 170	184%	
YoY: ▲ 456	236%	

LN sau thuế Q4/25	259	tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 169	189%	
YoY: ▲ 134	107%	

Tỷ suất lãi EBIT 2025	93.9%
YoY: +/- ▲ 42.1%	

ROE 2025	41.8%
YoY: +/- ▲ 9.3%	

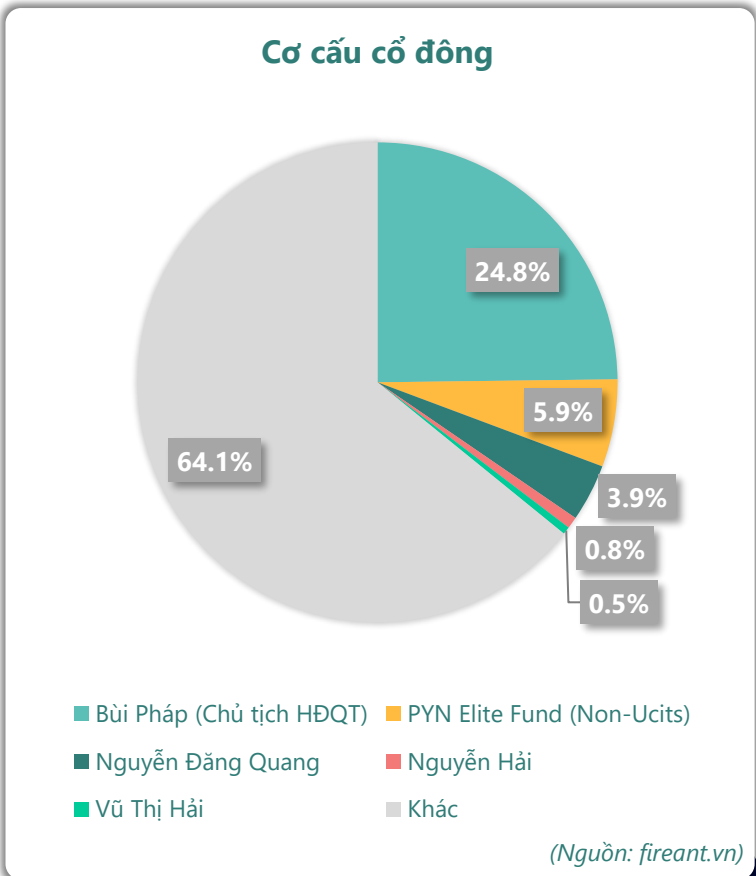
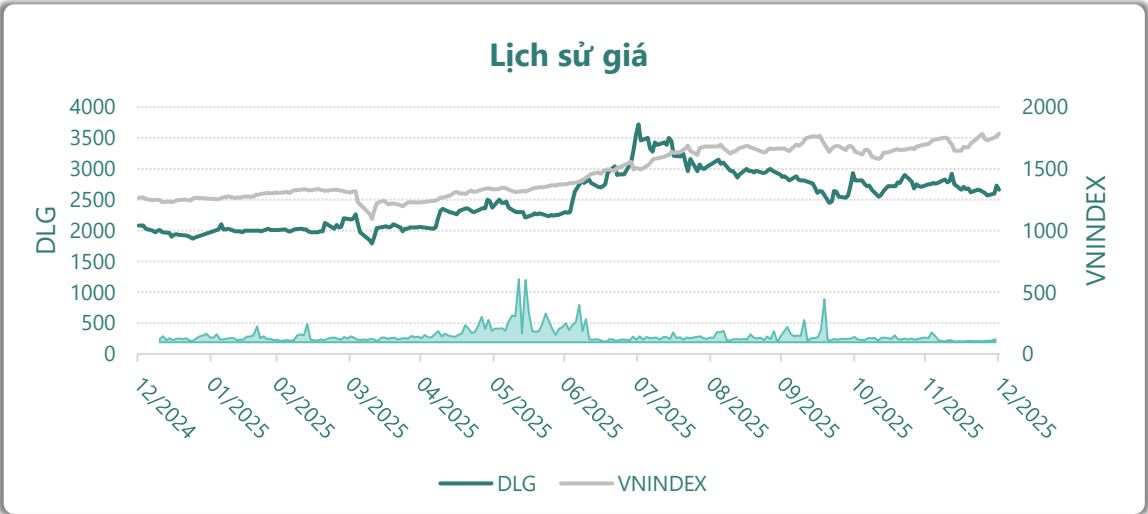
Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	1,790 - 3,720
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	796
Số lượng CPLH (CP)	299,309,720
KLGD BQ 20 phiên (CP)	1,765,010
Sở hữu nước ngoài	6.5%
Beta	0.48
EPS	1,219
P/E	2.2



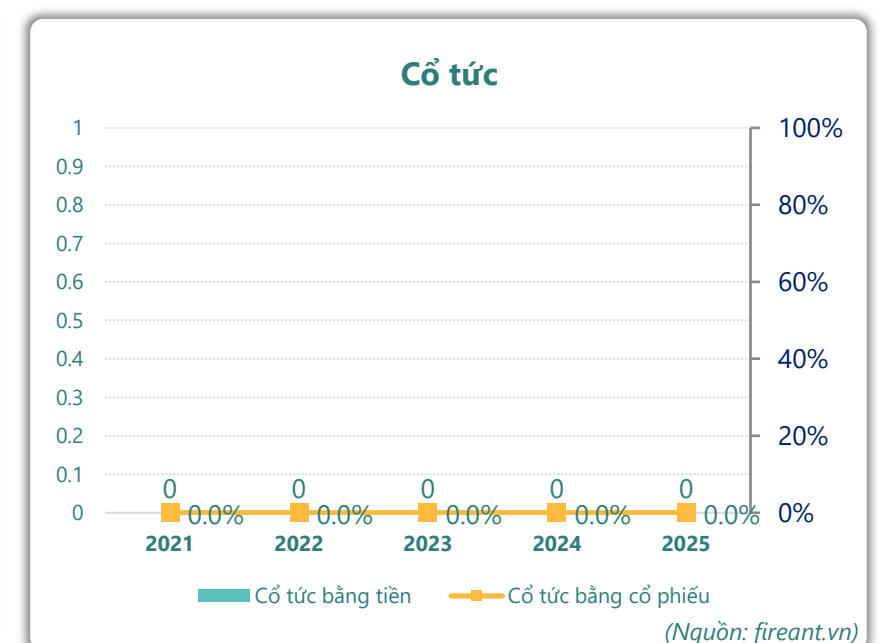
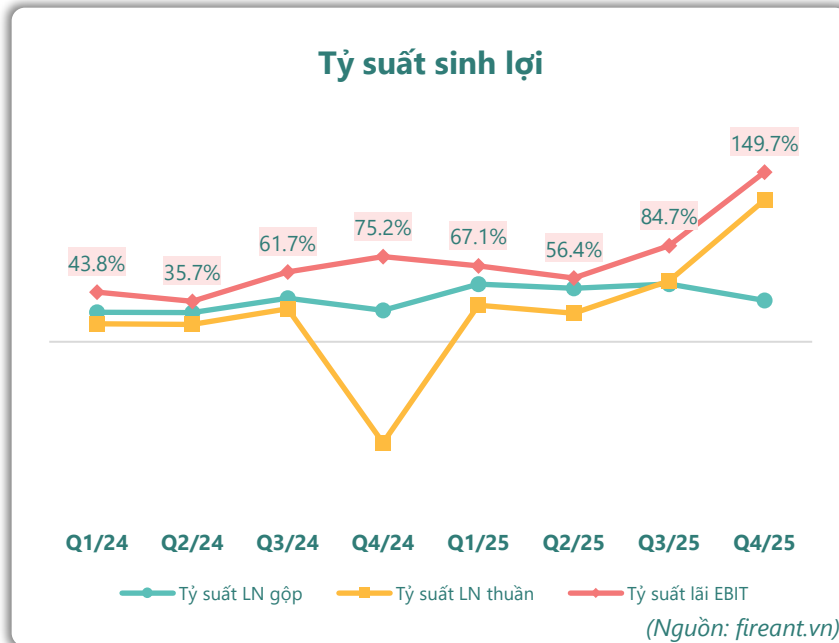
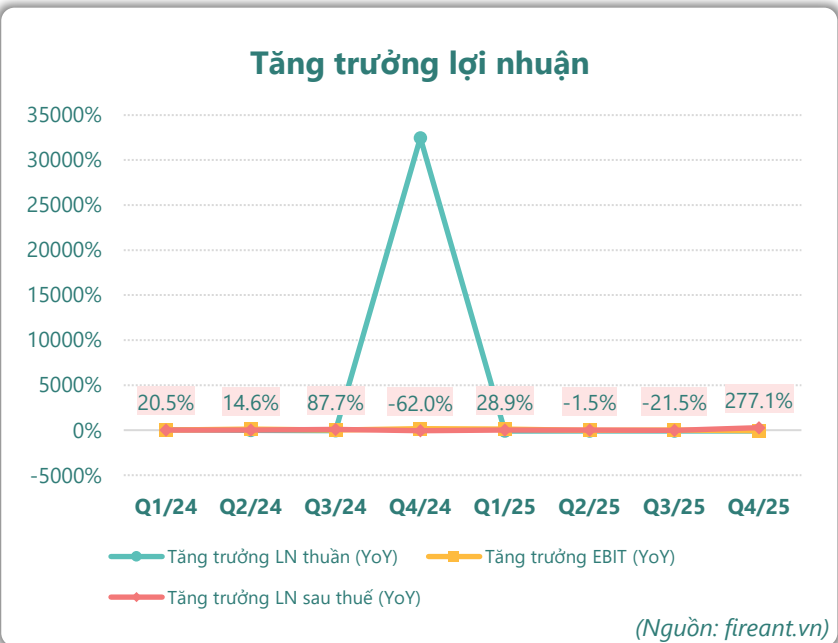
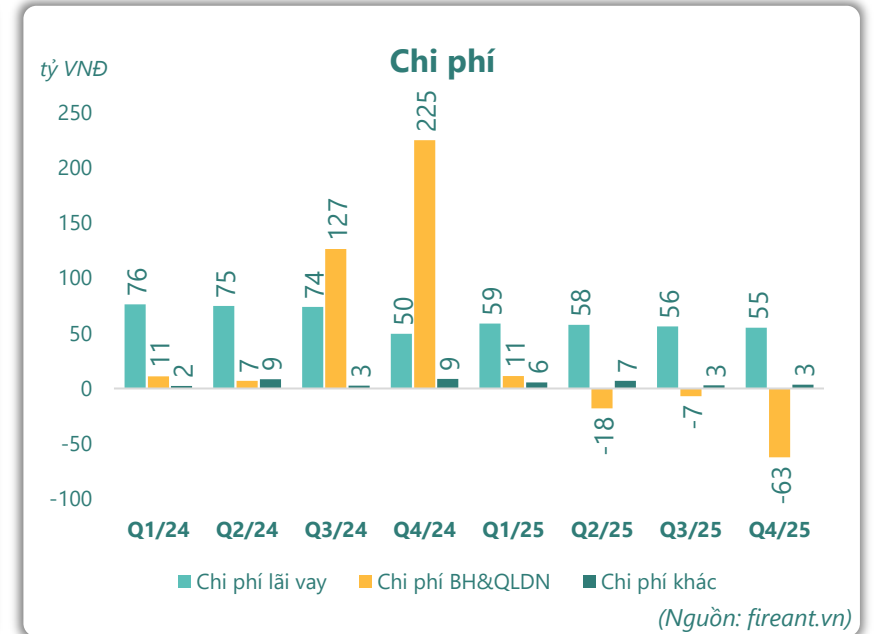
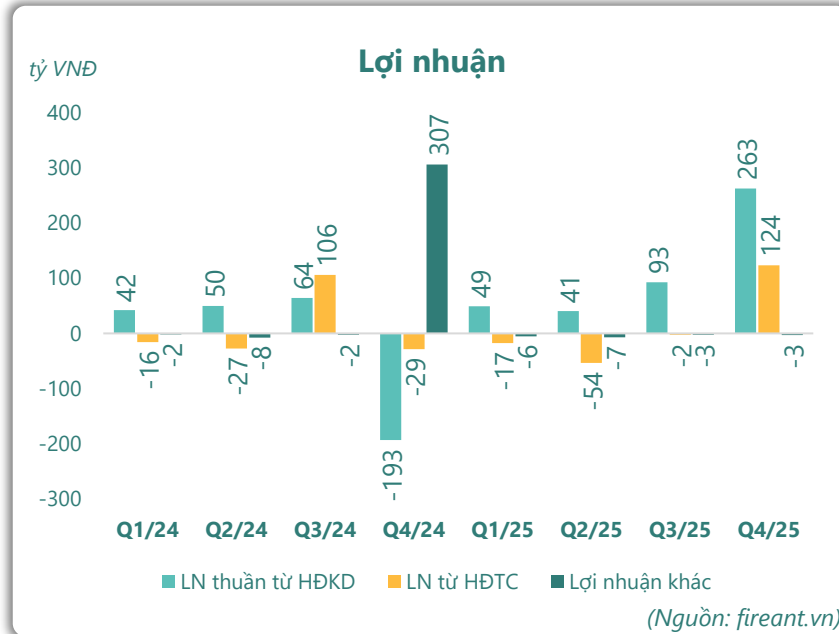
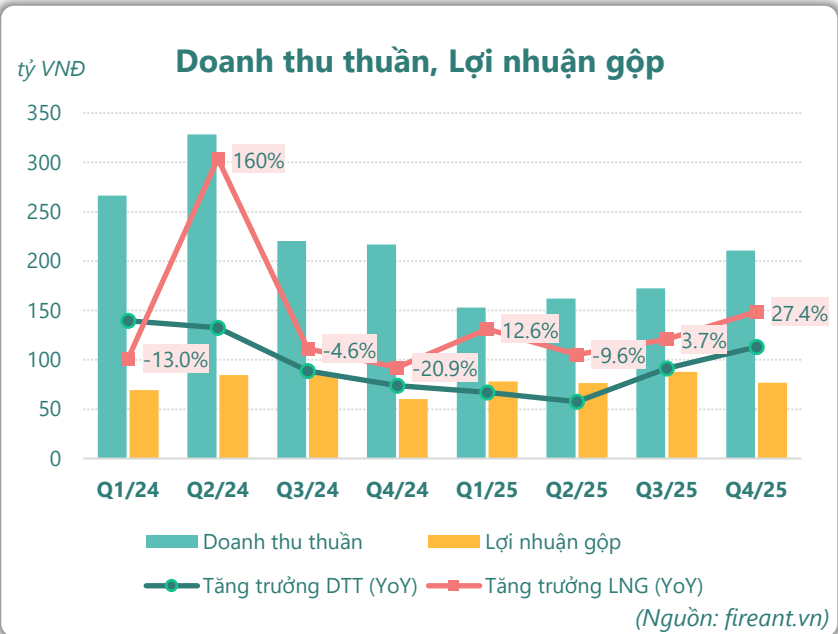
DT thuần 2025	698	tỷ VNĐ
YoY: ▼ 361	-34.0%	

LN thuần 2025	446	tỷ VNĐ
YoY: ▲ 486	1208%	

LN sau thuế 2025	417	tỷ VNĐ
YoY: ▲ 173	70.9%	



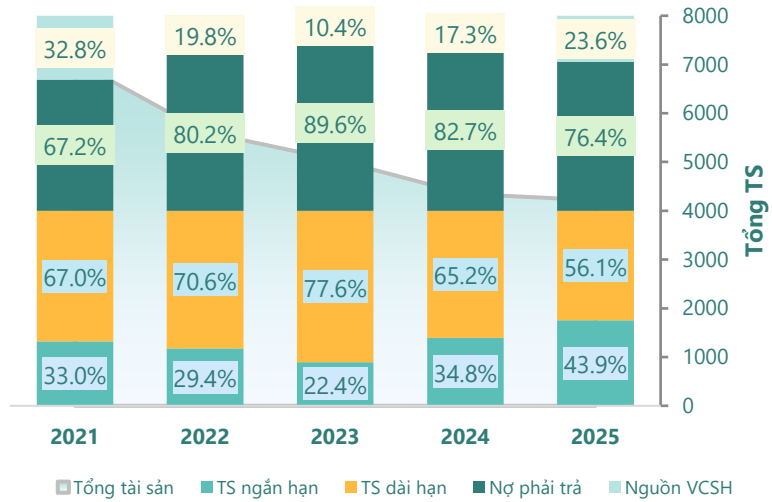
KẾT QUẢ KINH DOANH



TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

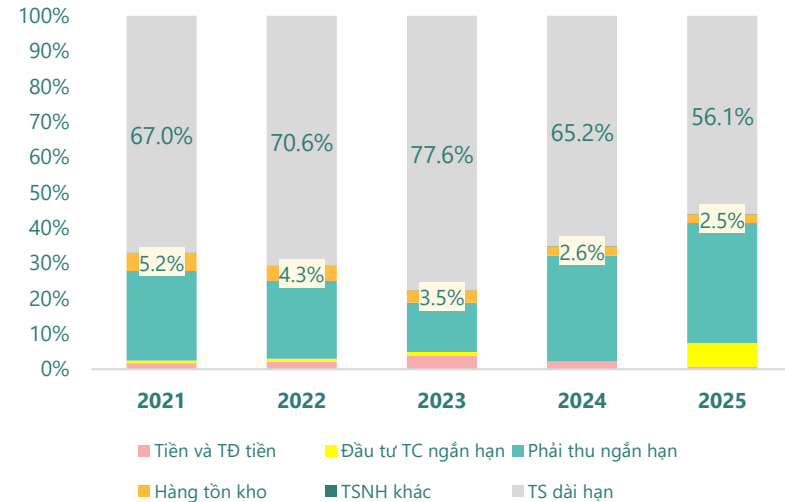
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

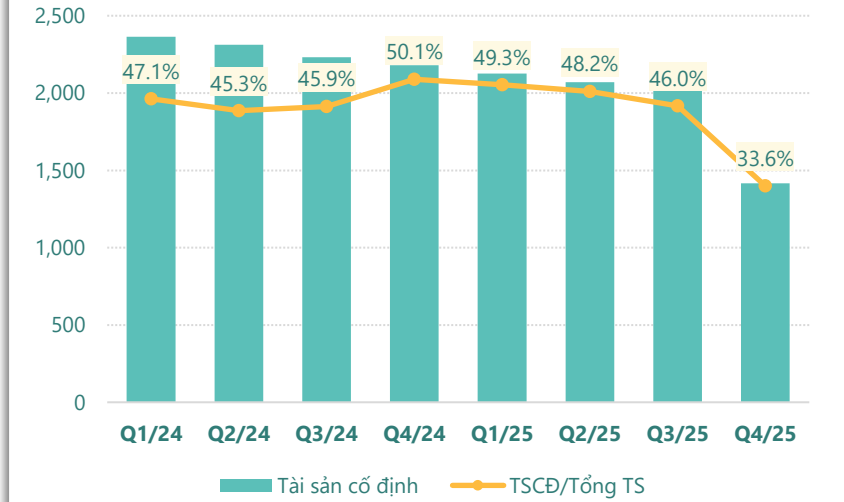
Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

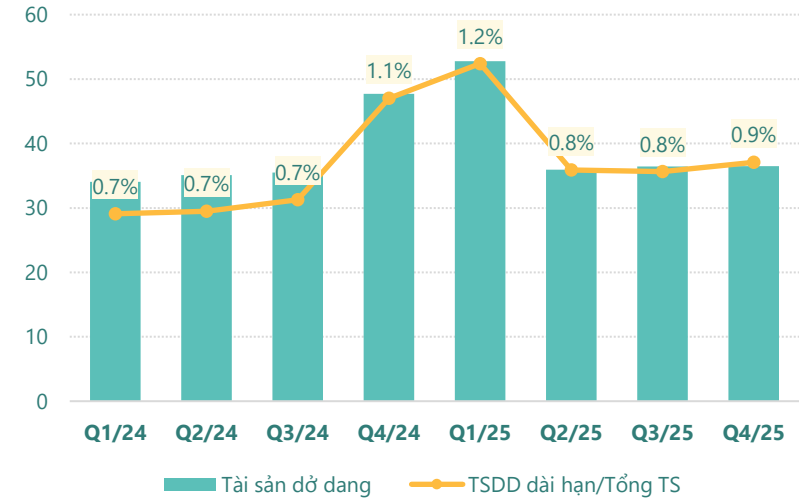
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

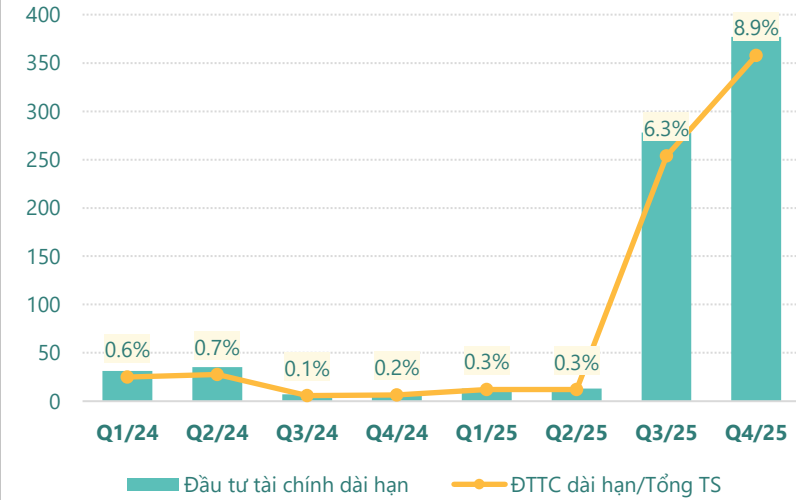
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

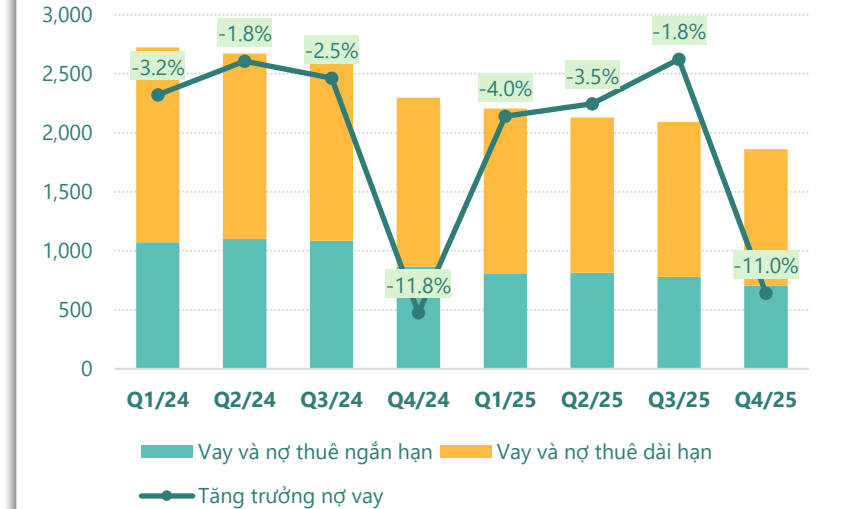
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

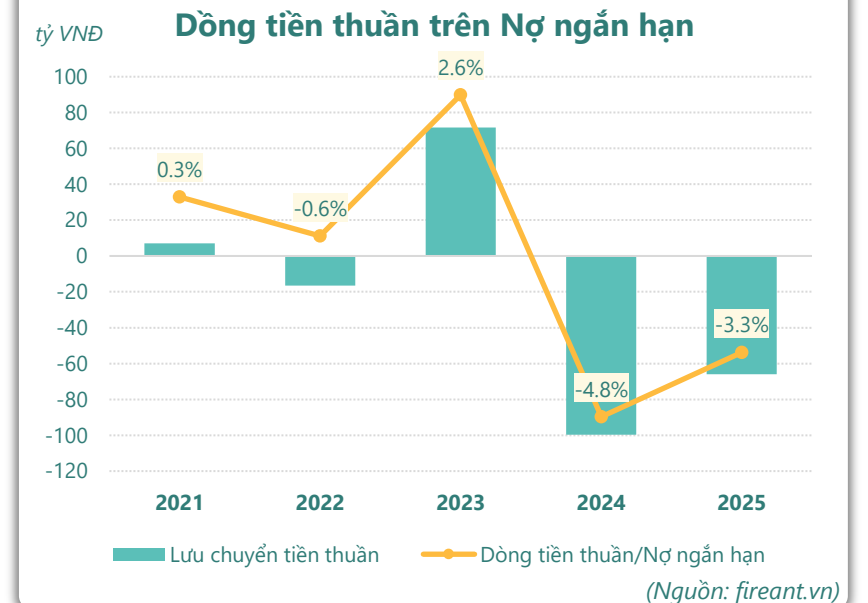
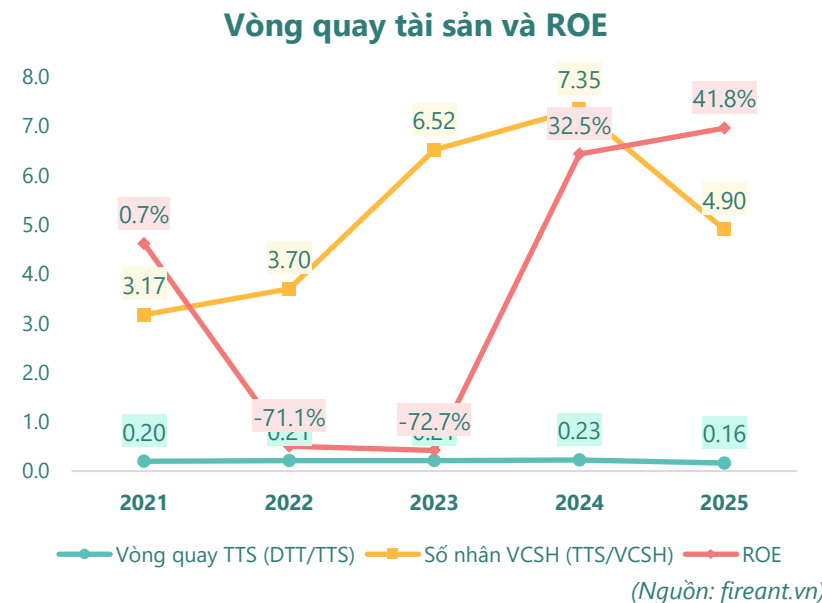
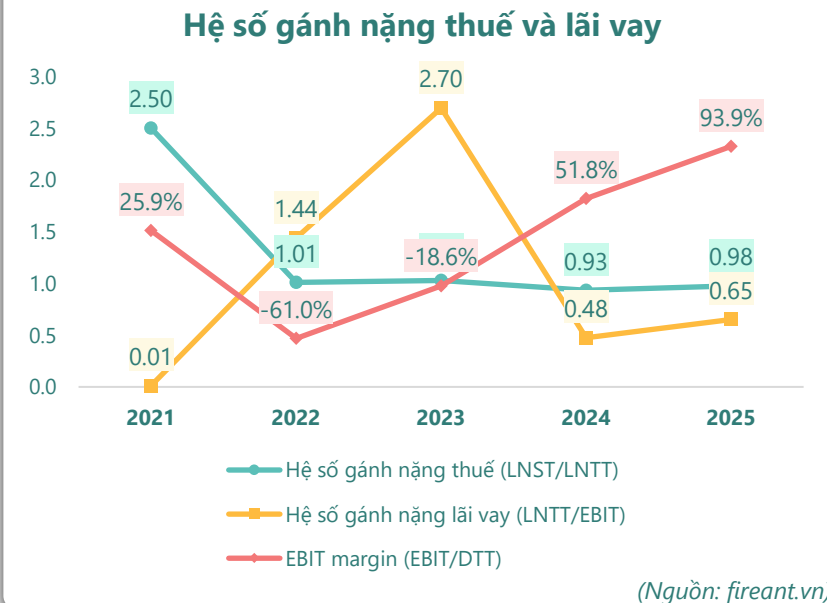
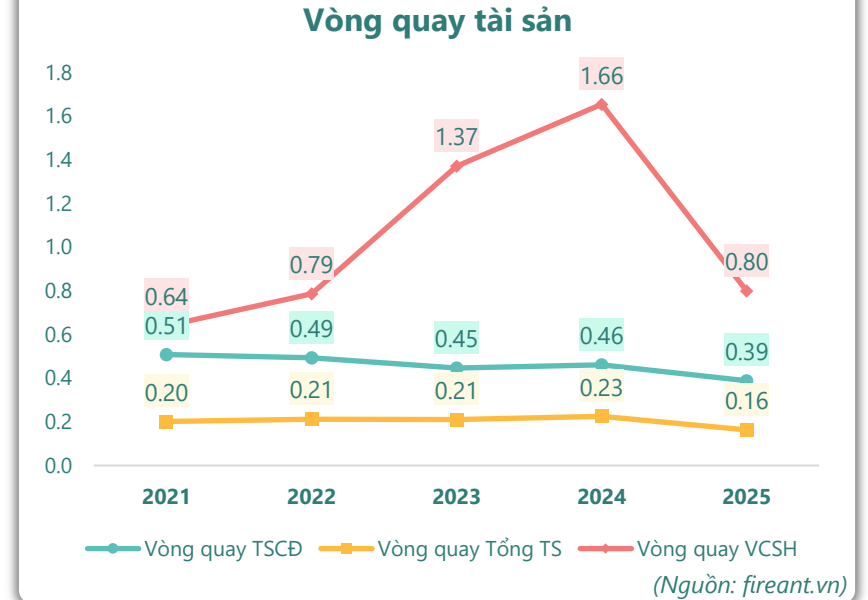
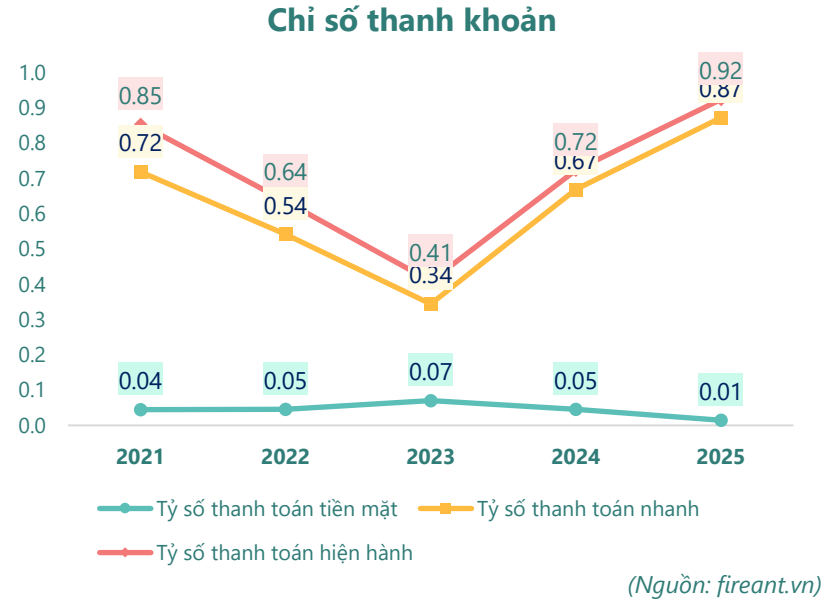
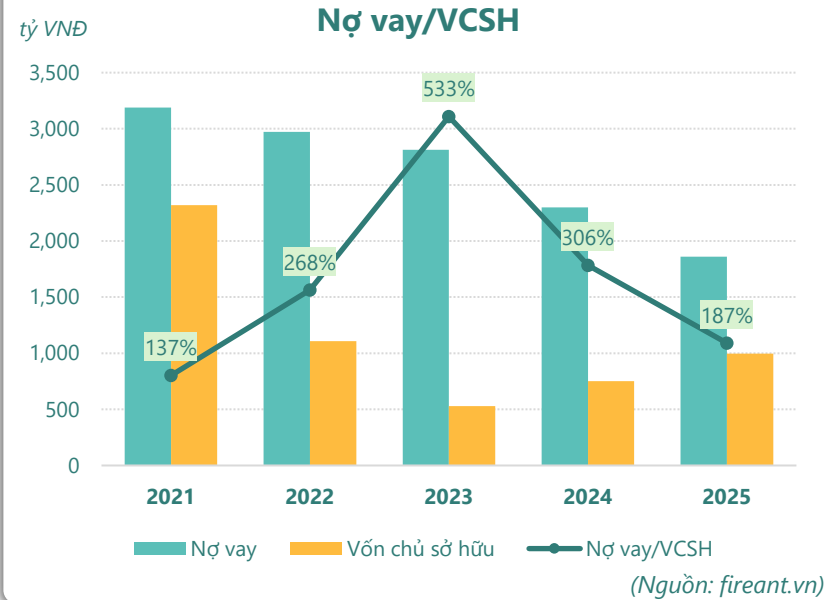
Nợ vay

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG





KẾT QUẢ KINH DOANH

(tỷ VNĐ)	Q4/25	Q4/24	Thay đổi YoY	2025	2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	211	217	-3.0%	698	1,059	-34.0%
Giá vốn hàng bán	134	157	-14.8%	379	742	-48.9%
Lợi nhuận gộp	76.9	60.3	27.5%	319	317	0.8%
Doanh thu HĐTC	195	20.3	863%	304	302	0.5%
Chi phí TC	71.8	48.9	46.9%	253	278	-8.8%
Chi phí lãi vay	55.3	49.6	11.4%	228	287	-20.6%
LN trong công ty LKLD	0.11	0.12	-7.4%	0.05	-0.02	386%
Chi phí bán hàng	0.00	0.96	-100.0%	0.06	7.00	-99.1%
Chi phí QLDN	-62.6	224	-128%	-76.6	374	-120%
LN thuần từ HĐKD	263	-193	236%	446	-40.3	1208%
Lợi nhuận khác	-3.30	307	-101%	-18.7	301	-106%
LN trước thuế	260	113	130%	427	261	63.7%
Lợi nhuận sau thuế	259	125	107%	417	244	70.9%
LNST của CĐ cty mẹ	245	111	121%	365	208	75.5%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	8.33	-125	99.9	86.1	-3.22	-520
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	11.2	409	33.1	-5.82	72.5	409
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-57.4	-305	-92.2	-77.7	-37.4	-30.1
Tiền đầu kỳ	171	117	95.0	136	138	170
Lưu chuyển tiền thuần	-37.9	-21.9	40.8	2.66	32.0	-141
Ảnh hưởng tỷ giá	-16.1	-0.09	0	0.00	0.00	0.00
Tiền cuối kỳ	117	4,651	136	138	170	29.1

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	4,216	4,348	-3.0%
Tài sản ngắn hạn	1,850	1,514	22.3%
Tiền và tương đương tiền	29.1	95.0	-69.3%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	282	0	
Phải thu ngắn hạn	1,433	1,304	9.9%
Hàng tồn kho	104	113	-7.8%
Tài sản ngắn hạn khác	2.01	1.81	11.2%
Tài sản dài hạn	2,366	2,835	-16.5%
Phải thu dài hạn	398	388	2.6%
Tài sản cố định	1,415	2,181	-35.1%
Bất động sản đầu tư	24.9	26.2	-4.8%
Tài sản dở dang	36.5	47.7	-23.5%
Đầu tư tài chính dài hạn	377	7.09	5217%
Tài sản dài hạn khác	34.5	88.9	-61.2%
Lợi thế thương mại	79.4	96.5	-17.7%
Nợ phải trả	3,220	3,596	-10.5%
Nợ ngắn hạn	2,003	2,093	-4.3%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	707	865	-18.3%
Phải trả người bán ngắn hạn	140	207	-32.1%
Nợ dài hạn	1,218	1,503	-19.0%
Vay và nợ thuê dài hạn	1,154	1,433	-19.5%
Nguồn vốn chủ sở hữu	996	752	32.4%
Vốn chủ sở hữu	996	752	32.4%
Vốn điều lệ	2,993	2,993	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

